

Bản án số: 324/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2026
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy Lan;
2. Bà Phạm Thị Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 683/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2026 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 351/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/7/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc P, sinh năm 1994; địa chỉ: Số A, khu phố B, phường T, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: 203/1, khu phố T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Quốc Đ, sinh năm 1991; địa chỉ: Số A, khu phố B, phường T, thành phố Hồ Chí Minh, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc P trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc P và ông Trần Quốc Đ1 có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 02 năm thì tự nguyện về sống chung với nhau, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh)

theo giấy chứng nhận kết hôn số 65/2015, cấp ngày 01/7/2015. Cuộc sống hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, đến năm 2017 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên hay cãi vã nhau nên cuộc sống không hạnh phúc. Ông Đ thường xuyên ăn nhậu, đánh đập bà P nhiều lần do lúc đó còn thương chồng nên bà không báo với chính quyền địa phương. Đến ngày 18/10/2025, ông Đ đánh bà P và con nên bà báo công an, ông Đ bị bắt và bị Tòa án nhân dân Khu vực 15, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử về tội “Đe dọa giết người” và bị tạm giam từ đó cho đến nay. Nay bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Quốc Đ.

Con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Nguyễn Phương T, sinh ngày 14/11/2015 và Trần Nguyễn Quốc B, sinh ngày 24/10/2017. Hiện nay, con đang sống chung với bà P. Sau khi ly hôn, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.600.000đồng/tháng/con (tương đương 5.200.000đ/tháng/02 con) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Trần Quốc Đ trình bày: Ông Đ và bà P đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống, ông Đ và bà P xảy ra nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, không còn thương yêu nhau nên bà P yêu cầu ly hôn thì ông Đ đồng ý.

Con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Nguyễn Phương T, sinh ngày 14/11/2015 và Trần Nguyễn Quốc B, sinh ngày 24/10/2017. Ông Đ đồng ý để bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nhưng không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án, nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc P đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn là ông Trần Quốc Đ có địa chỉ tại 13/10, khu phố B, phường T, thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc P và ông Trần Quốc Đ là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy chứng nhận kết hôn số 65/2015, cấp ngày 01/7/2015 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Bà Nguyễn Thị Trúc P xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông Đ thường xuyên ăn nhậu, đánh đập bà P nhiều lần. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên cãi vã, khiến cuộc sống trở nên ngột ngạt, căng thẳng, gây mệt mỏi cho nhau. Tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không chia sẻ, đồng cảm với nhau các vấn đề trong cuộc sống. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà Nguyễn Thị Trúc P yêu cầu được ly hôn với ông Trần Quốc Đ. Ông Đ thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn tiếng nói chung. Ông Đ xác định không còn tình cảm với bà P nên đồng ý ly hôn. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Bà P và ông Đ đều thừa nhận quan hệ hôn nhân của hai người có nhiều mâu thuẫn, không còn tình cảm, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà P và ông Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà P yêu cầu ly hôn và ông Đ đồng ý. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, bà P yêu cầu ly hôn với ông Đ là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà P và ông Đ có 02 người con chung tên là Trần Nguyễn Phương T, sinh ngày 14/11/2015 và Trần Nguyễn Quốc B, sinh ngày 24/10/2017. Xét con chung còn nhỏ, hiện vẫn đang do bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đ cũng đồng ý việc bà P yêu cầu nuôi con. Việc giao con chung cho bà P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự phát triển ổn định, toàn diện của con chưa thành niên. Do đó căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà P về con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện bà P yêu cầu ông Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/con (tương đương 6.000.000 đồng/tháng/02 con). Quá trình tố tụng bà P thay đổi mức cấp dưỡng, chỉ yêu cầu ông Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.600.000đồng/tháng/con (tương đương 5.200.000đ/tháng/02 con) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Xét nghĩa vụ cấp dưỡng là nghĩa vụ của người cha, mẹ không trực tiếp nuôi con. Mức cấp dưỡng nuôi con bà P yêu cầu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc P.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc P được ly hôn với ông Trần Quốc Đ.

Về con chung: Buộc ông Trần Quốc Đ giao 02 người con chung tên là Trần Nguyễn Phương T, sinh ngày 14/11/2015 và Trần Nguyễn Quốc B, sinh ngày 24/10/2017 cho bà Nguyễn Thị Trúc P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trần Quốc Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.600.000 đồng/tháng/con (tương đương 5.200.000 đồng/tháng/02 con). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 07/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi”.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Trúc P có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trần Quốc Đ không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng ông Trần Quốc Đ phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau ly hôn, bà Nguyễn Thị Trúc P và ông Trần Quốc Đ đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Trúc P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000844 ngày 03/7/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố

Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Trúc P đã nộp đủ. Ông Trần Quốc Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36, 71 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp . HCM;
- VKSND KV16, Tp . HCM;
- Phòng THADS KV16;
- UBND p.Thuận Giao, Tp.Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng